HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2020/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CPngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 ngày 5 tháng 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Xét Tờ trình số 275a/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định điều chỉnh chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn; Báo cáo thẩm tra số 280/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương V của Quy định điều chỉnh chính sách đầu tư xây dựng giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo, Báo, Đài PT-TH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CV, TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Đặng Xuân Phong

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

QUY ĐỊNH
Chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ để đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đóng góp, tài trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Phân nhóm xã, thôn

1. Nhóm 01: Gồm các xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 30a (các xã thuộc các huyện Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương); các xã, đặc biệt khó khăn, các thôn có đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người thuộc diện được đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

2. Nhóm 02: Gồm các xã, thôn còn lại của tỉnh (không bao gồm các phường, thị trấn)

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ MỞ MỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh

1. Hỗ trợ để mở mới đường giao thông (chưa có nền đường) có chiều rộng 4,0m: 140 triệu đồng/km.

2. Hỗ trợ để mở rộng nền đường giao thông đã có nền đường ≤ 2,0m đạt chiều rộng 4,0m: 120 triệu đồng/km.

3. Hỗ trợ để mở rộng nền đường đã có từ nền đường rộng 4,0m đạt cấp A-GTNT miền núi với chiều rộng Bn = 6,0m: 140 triệu đồng/km. Nếu mở rộng nền đường > 6,0m thì hỗ trợ thêm 80 triệu đồng/km cho 01m mở rộng thêm.

4 Hỗ trợ khoán gọn tăng thêm để thực hiện thi công phá đá mở nền đối với những đoạn đường mở mới, nâng cấp nền đường có địa chất là đá:

a) Đối với đoạn đường có khối lượng đá từ 500m^3/km đến dưới 1.000m^3/km, hỗ trợ 50 triệu đồng/km.

b) Đối với đoạn đường có khối lượng đá từ 1.000m^3/km đến dưới 2.500m^3/km, hỗ trợ 100 triệu đồng/km.

c) Đối với đoạn đường có khối lượng đá từ 2.500m^3/km đến dưới 5.000m^3/km, hỗ trợ 200 triệu đồng/km.

d) Đối với đoạn đường có khối lượng đá từ 5.000m^3/km đến dưới 7.500m^3/km, hỗ trợ 300 triệu đồng/km.

đ) Đối với đoạn đường có khối lượng đá từ 7.500m^3/km trở lên, hỗ trợ 400 triệu đồng/km.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện

Ngân sách huyện hỗ trợ chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, giám sát, hướng dẫn thi công, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công. Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/km.

Điều 6. Nhân dân thực hiện

Hiến đất, giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực, tổ chức thi công hoàn thành nền đường, mặt bằng.

Mục 2
HỖ TRỢ XÂY DỰNG MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh

1. Hỗ trợ 100% xi măng và kinh phí vận chuyển đến địa điểm tập kết (ô tô vào được) đối với tuyến đường trục thôn, trục xã có bề rộng mặt đường từ 3,0m trở lên, đường nội đồng có bề rộng mặt từ 2,5m trở lên, đường trục xã có nhu cầu mở rộng mặt đường từ 3,0m lên ≥ 3,5m.

2. Hỗ trợ vật liệu đến địa điểm tập kết (ô tô vào được), gồm: Vật liệu làm mặt đường bê tông xi măng (cát vàng, đá dăm hoặc sỏi); vật liệu làm móng đường (đá dăm, cấp phối đá dăm):

a) Đối với các xã, thôn thuộc nhóm 01 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ 100% vật liệu.

b) Đối với các xã, thôn thuộc nhóm 02 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ 50% vật liệu.

3. Hỗ trợ nhân công trực tiếp lao động làm đường:

a) Đối với các xã thuộc nhóm 01 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ 70 triệu đồng/km đối với mặt đường bê tông xi măng rộng 3,0m dày 16cm; 90 triệu đồng/km đối với mặt đường bê tông có chiều rộng ≥ 3,5m, dày 20cm.

b) Đối với các xã, thôn còn lại thuộc nhóm 02 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ 20 triệu đồng/km đối với mặt đường bê tông xi măng rộng 3,0m dày 16cm; 30 triệu đồng/km đối với mặt đường bê tông có chiều rộng ≥ 3,5m, dày 20cm.

4. Hỗ trợ 100% chi phí lu lèn móng đường toàn bộ các tuyến đường.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện

1. Ngân sách huyện hỗ trợ chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, giám sát, hướng dẫn thi công, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công. Mức hỗ trợ 5 triệu đồng/km.

2. Hỗ trợ 50% vật liệu cho các xã, thôn thuộc nhóm 02 quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Căn cứ khả năng của địa phương có thể hỗ trợ thêm cho nhân công trực tiếp lao động làm đường, đảm bảo tổng mức hỗ trợ của cả ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện không quá 130 triệu đồng/km.

4. Hỗ trợ kinh phí lắp đặt biển báo hiệu đường bộ.

Điều 9. Nhân dân thực hiện

1. Tự giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công đường bê tông xi măng.

2. Vận chuyển vật liệu được hỗ trợ (xi măng, vật liệu khác) từ địa điểm tập kết vào công trình (đoạn ô tô không vào được).

3. Quản lý, bảo quản các loại vật liệu (xi măng, cát, đá, sỏi,...) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

4. Khuyến khích các xã huy động nguồn lực để thực hiện gia cố rãnh dọc thoát nước hai bên đường, xây dựng, hoàn thiện công trình phòng hộ như cọc tiêu, biển báo, tường phòng hộ, cây xanh,... trên các tuyến đường.

5. Đối với đường ngõ, xóm: Khuyến khích nhân dân tự hoàn thiện nền đường và cứng hóa mặt đường.

Mục 3
HỖ TRỢ XÂY DỰNG MẶT ĐƯỜNG CẤP PHỐI

Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh

1. Đối với các xã thuộc nhóm 01 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ để sản xuất vật liệu, vận chuyển vật liệu, rải và lu lèn mặt đường.

a) Trường hợp sử dụng vật liệu là đá dăm, cấp phối đá dăm: Loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,5m hỗ trợ 210 triệu đồng/km; loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,0m hỗ trợ 180 triệu đồng/km.

b) Trường hợp sử dụng vật liệu là cấp phối tự nhiên (cấp phối sỏi suối, sỏi đồi), cấp phối đá thải,... chất lượng thấp hơn các loại cấp phối được quy định, nhưng vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép: Loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,5m hỗ trợ 160 triệu đồng/km; loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,0m hỗ trợ 135 triệu đồng/km.

2. Đối với các xã thuộc nhóm 02 quy định tại Điều 3 Quy định này: Hỗ trợ để sản xuất vật liệu, vận chuyển vật liệu, rải và lu lèn mặt đường đối với đường cấp A hoặc cấp B.

a) Trường hợp sử dụng vật liệu là đá dăm tiêu chuẩn, cấp phối đá dăm. Loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,5m hỗ trợ 190 triệu đồng/km, loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,0m hỗ trợ 160 triệu đồng/km.

b) Trường hợp sử dụng vật liệu là cấp phối tự nhiên (cấp phối sỏi suối, sỏi đồi), cấp phối đá thải,... chất lượng thấp hơn các loại cấp phối được quy định, nhưng vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép: Loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,5m hỗ trợ 140 triệu đồng/km, loại đường có chiều rộng mặt đường Bm=3,0m hỗ trợ 120 triệu đồng/km.

Điều 11. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện

1. Hỗ trợ chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế, giám sát, hướng dẫn thi công, lập hồ sơ nghiệm thu, hoàn công rải cấp phối: 5,0 triệu đồng/km.

2. Hỗ trợ kinh lắp đặt biển báo hiệu đường bộ.

Điều 12. Nhân dân thực hiện

1. Đối với công trình rải cấp phối móng, mặt đường: Nhân dân tự giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện triển khai thi công tuyến đường (Đào sửa nền đường, đào khuôn đường, làm rãnh xương cá, xếp đá vỉa, đào sửa rãnh dọc, đắp phụ lề đường, thi công mặt đường, công trình thoát nước, các công việc phụ trợ xây dựng và hoàn thiện khác).

2. Đối với đường đường liên gia, ngõ, xóm: Các hộ, nhóm hộ gia đình tự huy động nguồn lực xây dựng nền đường, rải cấp phối, đá dăm, lát gạch, lát đá...

Mục 4
HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 13. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh

1. Định mức khoán gọn để xây dựng, hoàn thiện công trình thoát nước:

a) Hỗ trợ 24 triệu đồng/1 cống thoát nước ngang ϕ100cm.

b) Hỗ trợ 18 triệu đồng/1 cống thoát nước ngang ϕ75cm.

c) Hỗ trợ 23 triệu đồng/1 cống bản 100x100cm.

d) Hỗ trợ 17 triệu đồng/1 cống bản 75x75cm.

đ) Hỗ trợ 12 triệu đồng/1 cống bản 50x50cm.

e) Trường hợp đặt ống thép ϕ150mm, dày 3mm trở lên, đặt ở chiều sâu so với mặt đường tối thiểu là 30cm: Hỗ trợ 0,5 triệu đồng/m dài ống.

2. Hỗ trợ xi măng gia cố rãnh thoát nước dọc bằng bê tông xi măng (đối với rãnh mặt cắt hình thang kích thước 80x40x40cm, chiều dày 10cm) tại những đoạn đường có độ dốc dọc ≥ 6% và chiều dài đoạn rãnh ≥ 20m. Mức hỗ trợ: 6,28 tấn/100m dài.

Điều 14. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện

1. Thiết kế, giám sát, hướng dẫn thi công các công trình thoát nước (cống, rãnh).

2. Hỗ trợ vật liệu cát, đá để xây dựng hoàn thiện rãnh thoát nước.

3. Hỗ trợ chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế, giám sát, hướng dẫn thi công, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công rãnh dọc. Mức hỗ trợ: 2,0 triệu đồng/km.

Điều 15. Nhân dân thực hiện

Tự giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện triển khai thi công hoàn thiện các công trình thoát nước (cống, rãnh).

Mục 5
HỖ TRỢ LẬP QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

Điều 16. Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn

1. Quy mô lập quy hoạch đối với mỗi điểm dân cư nông thôn: Từ 5 đến 15ha.

2. Quy mô sắp xếp dân cư:

a) Đối với thôn biên giới: Quy mô sắp xếp tối thiểu 30 hộ/01 điểm dân cư;

b) Đối với thôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy mô sắp xếp tối thiểu 50 hộ/01 điểm dân cư;

c) Đối với các thôn khác: Quy mô sắp xếp tối thiểu 100 hộ/01 điểm dân cư.

3. Diện tích đất ở trung bình mỗi hộ: Tối thiểu 200m^2, tối đa 400m^2/hộ.

4. Đơn vị lập quy hoạch: Các cơ quan chuyên môn cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã) chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án hoặc đơn vị tư vấn thực hiện.

Điều 17. Kinh phí lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn

1. Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí thực hiện lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Mức khoán trọn gói như sau:

a) Đối với điểm dân cư quy mô nhỏ hơn 5 ha: 50 triệu/điểm dân cư.

b) Đối với điểm dân cư quy mô từ 5ha đến dưới 8 ha: 70 triệu/điểm dân cư.

c) Đối với điểm dân cư quy mô từ 8ha đến dưới 10 ha: 100 triệu/điểm dân cư.

d) Đối với điểm dân cư quy mô từ 10ha đến dưới 12 ha: 120 triệu/điểm dân cư.

đ) Đối với điểm dân cư quy mô từ 12ha đến dưới 15 ha: 150 triệu/điểm dân cư.

2. Trường hợp ngân sách cấp huyện không cân đối được kinh phí để thực hiện thì ngân sách cấp tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

Những công trình, dự án đã được phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương V của Quy định điều chỉnh chính sách đầu tư xây dựng giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đang triển khai hoặc chưa triển khai thực hiện thì vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Đặng Xuân Phong